

# TÍN NGƯỠNG THỜ QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN VÀ QUAN ĐẾ MIẾU Ở VÙNG HỒNG NGỰ

Đỗ Kim Trường<sup>1</sup>

## 1. Vài nét về tín ngưỡng thờ Quan Thánh Đế Quân ở vùng Hồng Ngự

Tín là đức tin, niềm tin. Ngưỡng là ngưỡng mộ, ngưỡng vọng, tức hướng đến một điều gì, một ước mong nào đó. *Từ điển Việt – Hán thông dụng* giải thích tín ngưỡng là lòng tin vào một tôn giáo<sup>2</sup>. Ở góc độ văn hóa, tín ngưỡng là hệ thống giá trị tâm linh hướng đến các thể lực siêu nhiên mong ước sự tốt đẹp trong cuộc sống vật chất và tinh thần của con người.

Tín ngưỡng thờ Quan Thánh Đế (Quan Công) xuất phát từ đâu? Có ý kiến cho rằng, trong tư duy nhị nguyên của người Hoa, họ thường chú ý tính chất có đôi, có cặp nên bên cạnh miếu thờ Bà Thiên Hậu thì cũng có Miếu Ông thờ Quan Thánh Đế. Cùng với đó, ở Quan Thánh Đế hội tụ đầy đủ những chuẩn mực đạo đức phong kiến như: nhân, lễ, nghĩa, dũng, trí, tín nên thờ Ông là thể hiện sự đề cao lòng trung thành, hiệp nghĩa, trừ gian, tức những ước mong tốt đẹp gửi gắm vào yếu tố tâm linh. Mặt khác, khi rời bỏ cố quốc vì lý do chính trị hay kinh tế, ở vùng đất mới, người Hoa tìm thấy sự trung can của Quan Thánh Đế qua hành động “phản Thanh phục Minh” của mình, họ nhận thức được chữ *tín* của Ông có thể giúp lập được quan hệ tốt đẹp với cộng đồng dân cư trên quê hương mới. Từ đó, Quan Thánh Đế là hình mẫu cần thiết để noi gương và họ lập Quan Đế Miếu (còn gọi Chùa Ông) để thờ Ông.<sup>3</sup>

Trong lịch sử, khi phong trào “phản Thanh phục Minh” nổ ra ở Trung Quốc, một đợt di dân tự phát lớn của các di thần nhà Minh sang nước ta. Qua các thương nhân đi trước, đa số người Hoa đến với vùng đất mới phương Nam và trong hành trang của họ là tư duy nhị nguyên, là hình mẫu chuẩn mực đạo đức phong kiến như đã nêu trên, mà Quan Công là điển hình, nên cũng không thể thiếu biểu tượng tâm linh là việc lập Quan Đế Miếu.

Tại sao chính quyền chúa Nguyễn cho phép người Hoa được xây dựng Quan Đế Miếu? Tạ Chí Đại Trường lý giải rằng, sau khi chỉ định vùng đất Đồng Nai và Mỹ Tho cho các binh tướng Minh thần đến khai khẩn qua sự kiện “phản Thanh phục Minh”, trong các di thần nhà Minh, nổi lên tầng lớp thương nhân. Họ là những người “ít học” nhưng có thể lực kinh tế nên mới thúc đẩy phát triển những bộ môn văn nghệ tầm thường như hí kịch, tiểu thuyết tác động ngược vào giới nho sĩ người Việt. “Tính chất lưu vong và thương nhân ít học (so với nho sĩ khoa bảng) khiến cho người Hoa biết “tiểu thuyết” nhiều hơn Kinh Truyện, và tin nhân vật tiểu thuyết lịch sử hơn là trong sử kí. Thần Quan Đế của họ mang tính khu vực lưu tán (Nam Trung Quốc) là hình ảnh rút từ *Tam quốc chí diễn nghĩa* của La Quán Trung chứ không phải từ *Tam quốc chí* của Trần Thọ. Các đền miếu Quan Đế của họ xuất hiện từ Bắc chí Nam (Việt), thờ phụng một võ tướng trung tín,

<sup>1</sup> Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ cá nhân: Đỗ Kim Trường, số nhà 39, đường Phan Chu Trinh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. SĐT: 01254 70 10 99. Email: [kimtruong.@gmail.com](mailto:kimtruong.@gmail.com)

<sup>2</sup> Lâm Hòa Chiêm - Lý Thị Xuân Các - Xuân Huy (1998), *Từ điển Việt – Hán thông dụng*, Nxb Trẻ, tr 963.

<sup>3</sup> Xin xem: Lu Quốc (2010), *Tìm hiểu đời sống kinh tế và văn hóa của người Hoa ở Sa Đéc (tỉnh Đồng Tháp) từ thế kỷ XVII đến năm 2008*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học Lịch sử, Đồng Tháp, từ tr 91 – 92.

ngã liệt, thành thần ngay sau khi tử trận [...] khiến cho nhà Nguyễn, một triều đại xây dựng trên chiến thắng và mở rộng cương vực, nhìn lại mình, thấy sự tương đồng nên cho xây miếu Quan Đế ở các tỉnh trong nước.”<sup>4</sup>

Một nguyên nhân khác, đó là chính sách khôn khéo của chính quyền chúa Nguyễn trong giai đoạn chống lại Tây Sơn. Có nhiều cách lý giải nhưng chủ yếu do cần lực lượng của các di thần nhà Minh để khai phá vùng đất mới nên chính quyền Đàng Trong đã chấp thuận cho họ cư trú đầu tiên ở Đồng Nai và Mỹ Tho, để rồi cùng với sự cư trú đó người Hoa thể hiện yếu tố tâm linh qua việc xây cất Miếu Ông, Chùa Bà.<sup>5</sup>

Vùng Hồng Ngự chỉ khu vực hành chính nay thuộc ba huyện, thị: Thị xã Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự và huyện Tân Hồng. Trước năm 1989, ba đơn vị hành chính trên thuộc huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Ngày 22-4-1989, thực hiện Quyết định số 41/QĐ/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), tách một phần huyện Hồng Ngự (phần giáp tỉnh Long An) để thành lập huyện mới Tân Hồng. Đến ngày 23-12-2008, Chính phủ ra Nghị định 08/NĐ-CP điều chỉnh địa giới hành chính huyện Hồng Ngự để thành lập thị xã Hồng Ngự (gồm thị trấn Hồng Ngự, các xã An Bình A, An Bình B, Tân Hội, Bình Thạnh, một phần xã Thường Lạc cũ), các xã còn lại của huyện Hồng Ngự (Thường Phước 1, Thường Phước 2, Thường Thới Hậu A, Thường Thới Hậu B, Thường Thới Tiên, một phần xã Thường Lạc còn lại [sau khi tách ra và chuyển giao cho thị xã Hồng Ngự], Long Khánh A, Long Khánh B, Long Thuận, Phú Thuận A, Phú Thuận B) thuộc huyện Hồng Ngự (mới). Trong ba đơn vị hành chính của vùng Hồng Ngự, thị xã Hồng Ngự là chủ thể ban đầu, về sau chia tách thêm hai huyện mới.

Hồng Ngự nói riêng, Đồng Tháp nói chung là khu vực thuộc Đông Khẩu đạo xưa, được chuyển giao chủ quyền cho chính quyền chúa Nguyễn vào năm 1757, qua sự kiện vua Chân Lạp Nặc Tôn được chúa Nguyễn Phúc Khoát hỗ trợ giành lại ngôi vua và phong Phiến vương. Nặc Tôn đã dâng đất Tầm Phong Long (vùng đất nay là Châu Đốc, Tân Châu và Sa Đéc) để tạ ơn. Sau khi được dâng đất Tầm Phong Long, Võ Vương theo đề nghị của Nguyễn Cư Trinh “đặt đạo Đông Khẩu ở xứ Sa Đéc, đạo Tân Châu ở Tiền Giang và đạo Châu Đốc ở Hậu Giang”<sup>6</sup> và như trên đã nêu, Hồng Ngự thuộc đạo Đông Khẩu.

Được sáp nhập vào Tây Nam bộ muộn nhất, Hồng Ngự là khu vực hội tụ nhiều cộng đồng dân cư Kinh, Hoa, Khmer, Chăm nên dẫn đến sự giao thoa văn hóa giữa các dân tộc. Biểu hiện trên địa bàn Hồng Ngự hiện nay, ngoài chùa Phật (Thiên Tế, Thiên Phước, Thiên Quang,...), đình thần (An Bình, Long Khánh, Thường Lạc,...) của người Việt còn có miếu Ông Tà (Neak Tà, phối thờ tại các đình An Bình, Tịnh xá Lan Nhã Kỳ Viên,...) của người Khmer và Quan Đế Miếu (Trà Đư, Hồng Ngự) của người Hoa.

Quan Thánh Đế được người Hoa tôn kính gọi là Ông, họ Quan tên Vũ, tự Trường Sinh, sau đổi Văn Trường. Dân gian thường gọi là Quan Công, Quan Thánh, Quan Vũ

<sup>4</sup> Tạ Chí Đại Trường (2014), *Thần, người và đất Việt*, Nxb Tri thức, tr 293 – 294.

<sup>5</sup> Có thể kiểm chứng điều này, xem: TS. Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Nxb Chính trị quốc gia, ở tr 82, sau khi trình bày sự xuất hiện hai nhóm di thần nhà Minh là Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên không chịu làm tôi nhà Thanh đến Đàng Trong xin làm tôi tớ, tác giả viết: “Tình thế này đặt chúa Nguyễn Phúc Tần đứng trước sự lựa chọn: Thu nhận hay từ chối một đội quân với số binh lính và chiến thuyền đông đảo nhưng lại khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa. Cuối cùng, chúa Nguyễn Phúc Tần đã sử dụng họ như một nhân tố mới để khai phá đất ở Nam Bộ.” (Sđd, tr 82)

<sup>6</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nxb Giáo dục, tr 166.

(Võ), Quan Đế, Quan Vân Trường, Quan Xích Đế, Hán Thọ Đình Hầu và như trên đã nói do thành thân ngay sau khi tử trận (dân gian thường dùng từ “hiển thánh”) nên cũng gọi là Quan Thánh Đế. Ông sinh năm 162, quê ở Giải Lương, quận Bồ Châu, tỉnh Hà Đông (Trung Quốc xưa). Tương truyền Ông cao chín thước, râu dài hai thước (thước thời xưa khoảng 0,4m), mặt đỏ như gấc, môi như tô son, mắt phượng mày tằm, oai phong凛冽, tay cầm thanh long yển nguyệt (nặng 82 cân), cưỡi ngựa Xích Thố.

Thời trẻ, Quan Vũ làm nghề bán đậu phụ. Tuy nhà nghèo, Ông cũng được theo học cả văn lẫn võ. Là người vũ dũng, hào hiệp, ghét kẻ ác, thường bênh vực người sức yếu thế cô, cũng vì thế mà Ông phạm tội giết người, phải rời bỏ quê hương lúc 17 tuổi (năm 179). Đến năm 184, Ông đến Quận Trác theo lệnh chiêu binh của vua Hán phá giặc Khăn Vàng (Hoàng Cân). Tại đây Ông gặp Lưu Bị, Trương Phi và kết nghĩa anh em, thề sống chết có nhau (sự tích kết nghĩa vườn đào).

Là vị tướng cuối nhà Đông Hán đầu thời Tam Quốc ở Trung Quốc, Ông đã góp công lớn vào việc thành lập nhà Thục với hoàng đế đầu tiên là Lưu Bị. Ông cũng là người đứng đầu trong ngũ hổ tướng của Thục, gồm: Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Vân, Hoàng Trung và Mã Siêu. Ông được hoàng đế Lưu Bị bổ nhiệm cai quản đất Kinh Châu (năm 216). Đến năm 219, nước Ngô tấn công Kinh Châu, Quan Vũ thất thủ mất thành, cùng với con là Quan Bình chạy về Phần Thành, bị quân Ngô bắt được giải đến vua Ngô Tôn Quyền. Vua Ngô sợ hậu họa liền sai quân đem hai cha con Ông đi chém. Bấy giờ là năm Kiến An thứ 24, (tháng 10 năm 219), Ông hưởng dương 58 tuổi.<sup>7</sup>

## **2. Quan Đế Miếu Hồng Ngự: Quá trình hình thành, di dời và hiện trạng**

Quan Đế Miếu Hồng Ngự hiện tọa lạc tại số 226, đường Lý Thường Kiệt, thuộc khóm 2, phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự. Tính từ buổi đầu đến nay (2014), Quan Đế Miếu Hồng Ngự trải qua 3 thời kỳ hình thành và phát triển, gắn liền với tên gọi ở từng khu vực: Quan Đế Miếu Trà Đur, Quan Đế Miếu Thường Lạc và Quan Đế Miếu Hồng Ngự.

### **2.1. Quan Đế Miếu Trà Đur (1860 – 1890)**

Hội quán Quan Đế Miếu Hồng Ngự<sup>8</sup> cho biết, ban đầu miếu được cất tại khu vực Trà Đur (nay thuộc ấp Thị, xã Thường Lạc, huyện Hồng Ngự)<sup>9</sup>

---

<sup>7</sup> Phần tiểu sử Quan Thánh Đế Quân chúng tôi sử dụng tư liệu của ông Lê Hữu Tạo (Năm Tạo) Hội trưởng Hội quán Quan Đế Miếu Hồng Ngự và Luận văn Thạc sĩ Khoa học Lịch sử của thầy Lu Quốc, Trường THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Sa Đéc. Xin trân trọng cảm ơn.

<sup>8</sup> Chúng tôi cảm ơn ông Lê Hữu Tạo (Năm Tạo), Hội Trưởng Hội quán Quan Đế Miếu Hồng Ngự đã vui lòng tiếp, cung cấp tài liệu và tạo điều kiện cho phép chúng tôi chụp các ảnh sử dụng trong bài viết vào ngày 02/11/2014. Ông Nguyễn Văn Bào (Út Bào) Hội Trưởng Hội quán Quan Đế Miếu Trà Đur tiếp và cung cấp thông tin cho tác giả viết bài ngày 07/11/2014.

<sup>9</sup> Trước năm 2009, Hồng Ngự là huyện của tỉnh Đồng Tháp. Năm 2009, do chia tách địa giới hành chính, huyện Hồng Ngự cũ được chia thành hai đơn vị mới: thị xã Hồng Ngự (có khóm Trà Đur, thuộc phường An Lạc) và huyện Hồng Ngự (có ấp Thị, xã Thường Lạc). Quan Đế Miếu Trà Đur hiện tọa lạc tại ấp Thị, xã Thường Lạc nay.



**Quan Đế Miếu Trà Đư**  
(Ảnh: Kiều Hạnh, 2014)

Theo bảng lịch sử kiến tạo Quan Đế Miếu Hồng Ngự hiện đang lưu tại đây ghi như sau: “... MÙA THU CANH THÂN: Nhằm niên hiệu vua Tự Đức thứ XIII (1860) Hiệp An Thị (thuộc thôn Hiệp An), Tổng Kiến An, huyện Kiến Đăng, Phủ Định Tường. Xưa nhà nước Phong kiến đặt Sở Thương (Đồn thu thuế quan) tại thôn Hiệp An này để kiểm soát thu thuế. Hiệp An là Chợ nên đời sống dân cư đông đúc, mọi sinh hoạt buôn bán trao đổi hàng hóa xung (síc) tức nhộn nhịp, đời sống bà con khấm khá “An cư lạc nghiệp – Phú quý sinh lễ nghĩa”. Tưởng nhớ đến vị Thánh độ mạng “QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN”.

*“Cai quản nhân gian vốn một ta  
Tiên tri họa phúc cũng là ta  
Chỉ thành khẩn vái nên linh nghiệm”*

Các bậc Tiên nhân, Hội Quán người Hoa cùng bà con tiểu thương gần xa và quần chúng cùng đệ tử Quan Đế Thánh Quân huy động đóng góp tiền của + công sức xây dựng Chùa Ông Quan Đế (khung gỗ, lợp ngói đỏ, tường gạch vôi) tọa lạc tại chợ Hiệp An, được Triều Đình Nhà Nguyễn cấp dấu “ẤN TRIỆN” cho Chùa (nền Chùa cũ được trùng tu xây dựng lại Chùa Ông – Trà Đư năm 2000).<sup>10</sup>

Qua tư liệu trên, năm 1860 tại chợ Hiệp An<sup>11</sup>, (nay chợ không còn và khu vực này hiện thuộc ấp Thị, xã Thường Lạc, huyện Hồng Ngự) cư dân ở đây cùng Hội quán người Hoa đã quyên góp tiền của, công đức xây dựng Quan Đế Miếu để thờ Quan Công và các phối thánh (Quan Bình, Châu Xương,...). Qua khảo sát, hiện tại trên địa bàn vẫn còn một ngôi miếu thờ Quan Công được gọi là Quan Đế Miếu Trà Đư. Trao đổi trực tiếp với ông Nguyễn Văn Bào – Hội trưởng Hội quán tại đây cho biết, ngôi miếu này được những

<sup>10</sup> Chúng tôi dẫn nguyên văn theo Bảng lịch sử kiến tạo Quan Đế Miếu Hồng Ngự (1860 – 1999) hiện đang trưng bày tại đây.

<sup>11</sup> Hiệp An cũng gọi Hợp Ân (Rạch Hợp Ân) và Hiệp Ân (Bão Hùng Ngự) xem: Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 2, Nxb Lao động, tr 1712 và 1715.

người Hoa sống trên địa bàn xây dựng nên vào năm 1860, xuất phát từ nhu cầu tâm linh giống như ở các khu vực có người Hoa sinh sống trên vùng đất Nam bộ. Quan Đế Miếu Trà Đư lúc đầu được cất bằng gỗ, hai mái lợp ngói đỏ, tường gạch vôi, diện tích khoảng 150m<sup>2</sup>. Ông còn cho biết, ngày xưa xung quanh Quan Đế Miếu Trà Đư là chợ và khi chợ di dời về doi Thường Lạc (sau lại chuyển đến vị trí Chợ Cũ Hồng Ngự nay), người dân địa phương khi đào móng cất nhà còn thấy rất nhiều đồ gốm sứ bị bể, chứng tỏ nơi đây thời xưa đã từng là khu chợ như trong bảng lịch sử kiến tạo Quan Đế Miếu Hồng Ngự ở trên cho biết.

## 2.2. Quan Đế Miếu Thường Lạc (1890 – 1956)

Năm 1890, thời Nam Kỳ thuộc Pháp, địa giới hành chính được điều chỉnh, thôn Hiệp An đổi thành thôn Thường Lạc, thuộc tổng An Phước, huyện Hồng Ngự, tỉnh Châu Đốc. Trụ sở thôn đặt tại Thường Lạc, do vậy chợ cũng chuyển từ Trà Đư về doi Thường Lạc, cư dân tụ họp mua bán sầm uất. Bồn Hội người Hoa di dời Quan Đế Miếu từ Trà Đư về Thường Lạc (vị trí hiện nay là Chùa Thiên Quang, thuộc phường An Lạc, thị xã Hồng Ngự). Theo tài liệu còn lưu giữ cho biết, lúc đầu Miếu được xây dựng chỉ để thờ Quan Thánh Đế Quân. Đến năm 1960, Hội đồng xã (của chính quyền Sài Gòn) mời sư Thích Huệ Minh về trụ trì và xây dựng lại chùa để vừa thờ Phật vừa thờ Quan Thánh Đế.



**Chùa Thiên Quang – Thị xã Hồng Ngự**  
(nguồn: Hoàng Pháp Trẻ)

Ngày 19-12-1929, Toàn quyền Đông Dương ký nghị định thành lập quận Hồng Ngự thuộc tỉnh Châu Đốc<sup>12</sup>. Đến thời điểm này, Hồng Ngự trở thành đơn vị hành chính cấp quận, dinh quận được xây dựng cùng với phố chợ. Chợ Hồng Ngự được cất trên địa bàn khô ráo, ít bị lũ lụt lại là nơi hợp lưu giữa sông Sở Thượng với sông Tiên, rất thuận lợi cho việc buôn bán và vận chuyển bằng đường thủy. Trong khi đó, doi Thường Lạc là vùng đất chật hẹp, địa hình thấp, hay bị mùa nước hàng năm gây ngập lụt, việc bán buôn

<sup>12</sup> Xem: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp (2014), *Địa chí tỉnh Đồng Tháp*, Nxb Trẻ, tr 25.

không được thuận lợi nên dân cư và những thương nhân từ doi Thường Lạc chuyển sang chợ Hồng Ngự sinh sống và tiếp tục kinh doanh. Chợ Hồng Ngự buôn bán trù phú và là nơi trung chuyển hàng hóa lên Nam Vang hay xuống Sa Đéc, để rồi tiếp tục lưu thông khắp miền lục tỉnh. Đời sống kinh tế dần phồn thịnh và theo đó là nhu cầu tín ngưỡng tâm linh, Hội quán người Hoa ở đây sau khi họp bàn đã quyết định di dời Quan Đế Miếu từ doi Thường Lạc sang phố chợ Hồng Ngự. Để có nền miếu mới, gia tộc ông Vương Văn Chót (Chệt Chót) ngụ xã An Bình A, Hồng Ngự đã hiến cho Hội phần đất bên cạnh chợ Hồng Ngự theo bản đồ bất động sản số 37.38 do VP Bảo thủ điền thổ Châu Đốc cấp ngày 16-10-1956. Gia đình ông Chót cùng các nhà hào phú và bà con tiểu thương hợp lực tháo dỡ ngôi miếu ở doi Thường Lạc dời qua Hồng Ngự vào năm 1956.



**Chợ cũ Hồng Ngự**  
(Nguồn: Internet)

### **2.3. Quan Đế Miếu Hồng Ngự (1956 – nay)**

Thời gian trôi qua, do ảnh hưởng của khí hậu thời tiết và di dời nhiều lần, ngôi miếu bị hư hỏng, xuống cấp trầm trọng. Ngày 28-9-1998 (âm-năm Mậu Dần) các ông Diệp Văn Hoàn, Tô Văn Châu cùng Bồn hội và cộng đồng dân cư gần xa đóng góp tiền của, công sức khởi công xây mới Quan Đế Miếu bằng bê tông cốt thép. Sau ba tháng xây dựng, đến ngày 28-12-1998 (âm), công trình hoàn thành với tổng kinh phí xây dựng là 425.000.000 đồng (trị giá 100 lượng vàng – thời điểm năm 1999). Bồn Hội thỉnh Ông về nhà mới trong sự phấn khởi mừng vui của tất cả người dân. Ngày 10/3/1999 (âm) Hội quán long trọng tổ chức lễ khánh thành Quan Đế Miếu Hồng Ngự với tất cả sự tôn nghiêm.



### **Cổng Quan Đế Miếu Hồng Ngự (nhìn từ trong ra)**

(Ảnh: Kiều Hạnh, 2014)

Quan Đế Miếu Hồng Ngự là kiến trúc văn hóa tín ngưỡng đẹp nhất của người Hoa ở Hồng Ngự. Miếu được xây dựng theo kiểu các Quan Đế Miếu ở Nam bộ. Diện tích 8mx16m. Từ ngoài vào là cổng tam quan với mái lợp ngói lưu ly màu xanh, nối với chánh điện là khoảng trống (giếng trời, theo thuật phong thủy của người Hoa). Mái cổng trang trí đôi rồng bằng gốm sứ tráng men xanh trắng theo mô típ “lưỡng long tranh châu” ở giữa và hai bên là cặp cá chép hóa rồng. Đôi rồng này và đôi rồng trên mái chánh điện do ông Huỳnh Hữu Nghĩa, chủ nhiệm Hợp tác xã gốm mỹ nghệ Thái Dương (Biên Hòa, Đồng Nai) cung tiến. Qua khỏi cổng vào chánh điện, bên phải là tượng Mã quan và ngựa Xích Thố của Ông, trên tường là các bảng: Tiểu sử Quan Đế Thánh Quân, Lịch sử kiến tạo Quan Đế Miếu Hồng Ngự (1860 – 1999), tú xăm, bàn thờ Tiền hiền. Ở hậu điện, chính giữa là bàn thờ Ông và các phối thánh Quan Bình (cầm hộp ấn Hán Thọ Đình Hầu), Châu Xương cầm thanh long yển nguyệt. Quan Thánh Đế ngồi trên ngai với dung mạo mặt đỏ như son, râu năm chòm, mắt phượng mày tằm, oai phong lẫm liệt. Bên trái bàn thờ ngài là ngai vị thờ Bà Thiên Hậu Thánh Mẫu, bên phải thờ ông Phước Đức Chánh Thần (Thần Tài). Bên trái chánh điện là bảng ghi công đức các cá nhân đã đóng góp tiền của xây dựng Miếu cùng những hình ảnh lễ khởi công, khánh thành ... Nhìn chung, Quan Đế Miếu Hồng Ngự về hình thức và cách bày trí tương tự các kiến trúc cùng loại ở Nam bộ. Tuy nhiên, nét độc đáo của Miếu là đôi rồng trên nóc chánh điện, thân rồng uốn thành năm khúc uyển chuyển tượng trưng cho ngũ hành, chân đạp mây, miệng há to trong tư thế phun nước biểu hiện mưa thuận gió hòa đảm bảo cho mùa màng tốt tươi, cư dân no ấm. Mình rồng với các vảy lấp lánh màu men xanh trắng biểu trưng màu của hành kim, trải qua 15 năm từ khi xây dựng đến nay (1999 – 2014) mà vẫn còn như mới, chứng tỏ trình độ chế tác của nghệ nhân Việt đã đạt đến đỉnh cao nên có ý kiến đánh giá đây là đôi rồng đẹp nhất trong các Quan Đế Miếu ở vùng Nam bộ.<sup>13</sup> Trái châu là hình mẫu của Thái cực

<sup>13</sup> Ý kiến trên là của Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Thơ, Trưởng phòng Quản lý Khoa học - Dự án, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TP HCM đã đến tham quan Miếu nhân dịp Thầy tham gia khóa dạy “Đổi mới phương pháp

mà theo triết học Trung Hoa thì vũ trụ từ Thái cực sinh lưỡng nghi. Đôi rồng và đôi cá chép hóa rồng trên mái cổng tam quan và mái chánh điện đã phản ánh vũ trụ luận của người Hoa. Tất cả các hình tượng trang trí trên tạo nên sự hài hòa về kiến trúc và tư duy của Quan Đế Miếu.

Về hoạt động văn hóa, Quan Đế Miếu là nơi sinh hoạt tinh thần của những người Việt gốc Hoa trên địa bàn. Vài năm trước, Hội quán mở lớp dạy tiếng Hoa miễn phí cho con em người Hoa và những người có nhu cầu., lập đội đá cầu nam để giao lưu thi đấu trong và ngoài tỉnh, đội lân của Quan Đế Miếu cũng tham gia biểu diễn, thi đấu trong các lễ hội do địa phương tổ chức. Hàng năm, ông Hội trưởng Lê Hữu Tạo (Năm Tạo) và các vị trong Hội quán đều tổ chức trọng thể các ngày lễ chính: 13 tháng Giêng (âl): Vía Ông Quan Đế; 13 tháng Năm (âl): Vía Ông Quan Bình; 24 tháng Sáu (âl): Vía Ông Quan Đế hiển thánh; 30 tháng Mười (âl): Vía Ông Châu Xương.

### 3. Lời kết

Mỗi dân tộc đều có những phong tục, tín ngưỡng riêng, nhưng đa số đều mang nội dung tốt đẹp như đề cao các giá trị nhân văn và chuẩn mực đạo đức của thời đại hay ngưỡng vọng các nhân vật tín trực, hiệp nghĩa, ... Nếu người Việt rất coi trọng việc lập đền miếu thờ các anh hùng dân tộc, những người có công với làng nước thì ở người Hoa đó là sự tôn vinh đến mức thần thánh hóa các nhân vật biểu trưng nhân, lễ, nghĩa, dũng, trí, tín mà người đại diện trong tâm thức của họ chính là Quan Thánh Đế Quân được trang trọng thờ ở các Quan Đế Miếu.

Xuất phát từ tín ngưỡng tâm linh, lúc đầu người Hoa và cư dân ở Trà Đư đã chung tay xây dựng nên Quan Đế Miếu Trà Đư, sau đó do sự dịch chuyển của đơn vị hành chính mà được di dời về doi Thường Lạc, rồi bởi ảnh hưởng của địa hình phải chuyển đến vị trí ngày nay và mang tên Quan Đế Miếu Hồng Ngự. Từ điểm xuất phát đến vị trí hiện tại, qua hai lần di dời tên gọi Quan Đế Miếu vẫn được duy trì, chỉ riêng ở doi Thường Lạc, nên Miếu xưa nay đã được thay bằng chùa Phật (Chùa Thiên Quang), tức là có sự chuyển đổi công năng từ kiến trúc văn hóa tín ngưỡng của người Hoa thành của người Việt, một biểu hiện sự dung hợp về văn hóa của các cộng đồng dân cư ở địa phương.

Quan Công là người Trung Quốc, biểu tượng của lòng trung thành, hiệp nghĩa, trừ gian. Khi hậu nhân của Ông vì nhiều lý do phải rời bỏ cố hương, họ đã mang Ông theo như một sự chứng thực các phẩm chất tốt đẹp của người “Khách trú”, như “tờ giấy thông hành” giúp xác lập mối quan hệ với cộng đồng cư dân tại nơi đến và điều lý thú là ở vùng đất mới, cư dân bản địa cũng đón nhận Ông, cùng chung tay xây dựng miếu thờ Ông mà trường hợp Quan Đế Miếu Hồng Ngự là một điển hình. Bởi lẽ đó cũng là nét đồng điệu của những lưu dân Việt trên bước đường mở cõi phương Nam khi từ vùng đất tổ đến với Nam bộ cũng đã mang sẵn trong tâm thức các giá trị đạo đức: nhân, nghĩa, lễ, dũng, trí, tín chứ không phải riêng của người Hoa. Sự đồng điệu ấy là chìa khóa tạo nên giao thoa văn hóa giữa các dân tộc Kinh, Hoa, Khmer, Chăm. Hình tượng Bà Thiên Hậu Thánh



Mẫu ở Quan Đế Miếu là sự khúc xạ tục thờ Bà Chúa Xứ của người Khmer, Bà Pô Nagar của người Chăm, tục thờ Mẫu của người Việt. Lễ cúng Quan Thánh Đế Quân không chỉ có người Hoa mà còn có sự chung tay của các cư dân trên địa bàn và điều không thể thiếu trong các bài văn cúng tế là cầu cho quốc thái dân an, tức chung cho đất nước, nhân dân chứ không phải chỉ cho một tộc người riêng biệt. Qua đó đã tạo nên biểu tượng giao lưu văn hóa sinh động ở Nam bộ và sự đa dạng trong thống nhất về văn hóa của dân tộc mà cộng đồng các dân tộc Kinh, Hoa, Khmer, Chăm, là những chủ thể đã sáng tạo nên sự phong phú trong tín ngưỡng văn hóa tâm linh đó.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nxb Giáo dục.
- [2] Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 2, Nxb Lao động.
- [3] Lâm Hòa Chiêm - Lý Thị Xuân Các - Xuân Huy (1998), *Từ điển Việt – Hán thông dụng*, Nxb Trẻ.
- [4] Tạ Chí Đại Trường (2014), *Thần, người và đất Việt*, Nxb Tri thức.
- [5] TS. Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Nxb Chính trị quốc gia.
- [6] Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp (2014), *Địa chí tỉnh Đồng Tháp*, Nxb Trẻ.
- [7] Lu Quốc (2010), *Tìm hiểu đời sống kinh tế và văn hóa của người Hoa ở Sa Đéc (tỉnh Đồng Tháp) từ thế kỷ XVII đến năm 2008*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học Lịch sử.
- [8] Tư liệu điền dã của tác giả.